TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 08 năm 2025, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1992, số căn cước công dân: 084192006404, cấp ngày 27/12/2021 .

Địa chỉ: Số H đường T, phường T, Thành phố M.

Ông Trần Hoàng S, sinh năm 1994, số căn cước công dân: 058094008807, cấp ngày 19/11/2022.

Địa chỉ: Số H đường T, phường T, Thành phố M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Y và ông Trần Hoàng S thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Bà Y và ông S có 01 (một) con chung tên Trần Hoàng Tuấn A, sinh ngày 09-09-2022. Theo sự thỏa thuận của bà Y và ông S, bà Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tuấn A. Ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Y và ông Trần Hoàng S thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Bà Y và ông S có 01 (một) con chung tên Trần Hoàng Tuấn A, sinh ngày 09-09-2022. Theo sự thỏa thuận của bà Y và ông S, bà Y trực tiếp nuôi dưỡng

con chung là cháu Tuấn A. Ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Hoàng S và bà Trần Thị Y mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân và gia đình; ông S và bà Y mỗi người đã nộp 150.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0012186 và số 0012188 cùng ngày 28-08-2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Hoàng S và bà Trần Thị Y đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 11, TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 11, TP.Hồ Chí Minh ;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Trà Cú, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Hương